

# MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ SỨC MẠNH DÂN TỘC VÀ SỨC MẠNH THỜI ĐẠI TRONG THỜI KỲ ĐỔI MỚI

PGS, TS PHAN VĂN RÂN

ThS NGUYỄN THU HÀ

*Viện Quan hệ quốc tế,*

*Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh*

*Ngày nhận:*

10-4-2024

*Ngày thẩm định, đánh giá:*

25-4-2024

*Ngày duyệt đăng:*

2-5-2024

**Tóm tắt:** Trong thời kỳ đổi mới và hội nhập quốc tế, Việt Nam đã giải quyết tốt vấn đề sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại. Sức mạnh dân tộc, với các yếu tố như văn hóa, lịch sử, truyền thống và tinh thần đoàn kết, đã tạo nền tảng vững chắc cho sự tự tin và tự cường của người Việt Nam. Sức mạnh thời đại hiện nay là khả năng tiếp cận và ứng dụng các thành tựu khoa học công nghệ và xu hướng phát triển của thế giới đối với sự phát triển kinh tế và - xã hội của đất nước. Sự kết hợp giữa sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại là điều tất yếu và mang tính chiến lược nhằm tận dụng tối đa tiềm năng và lợi thế của đất nước trong thời kỳ đổi mới.

**Từ khóa:**

*Sức mạnh dân tộc; sức mạnh thời đại; thời kỳ đổi mới*

## 1. Sức mạnh dân tộc

Sức mạnh dân tộc chính là yếu tố bên trong. Đó là tổng hợp những lợi thế, những nguồn lực nội sinh của quốc gia dân tộc bao hàm toàn bộ các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội; truyền thống và hiện tại... Ngày nay, sức mạnh dân tộc của Việt Nam là tổng hợp sức mạnh vật chất và tinh thần, được tạo nên từ nguồn lực con người; các nguồn lực tự nhiên; tiềm lực kinh tế và quân sự. Sau gần 40 năm đổi mới,

sức mạnh dân tộc ngày càng gia tăng thể hiện ở nhiều lĩnh vực: nền kinh tế Việt Nam lớn thứ 4 trong ASEAN; vị trí địa - chính trị và địa - kinh tế của đất nước; truyền thống yêu nước, tự lực, tự cường; nền văn hóa đậm tính nhân văn, cộng đồng; đóng góp của cách mạng Việt Nam đối với sự nghiệp giải phóng dân tộc, hòa bình và tiến bộ xã hội trên thế giới; sự ổn định chính trị - xã hội; đường lối đúng đắn của Đảng và sự đồng tình, ủng hộ của các tầng lớp nhân dân;

vị thế chính trị - ngoại giao của Việt Nam trên trường quốc tế...

*Nguồn lực tự nhiên.* Vị trí của Việt Nam ở trung tâm khu vực Đông Nam Á, tiếp giáp với Biển Đông, cửa ngõ nối các nước trong khu vực với các nền kinh tế lớn trên thế giới nên có vị trí chiến lược quan trọng trong thương mại quốc tế và an ninh khu vực. Sự tăng trưởng kinh tế nhanh chóng cùng với chính sách đối ngoại linh hoạt, nhất là việc đẩy mạnh hợp tác, liên kết kinh tế và an ninh với các quốc gia trong khu vực và trên thế giới đã giúp Việt Nam nâng cao vị thế và uy tín của mình trên trường quốc tế. Việt Nam cũng đã rất thành công trong việc cân bằng quan hệ với các nước lớn, tận dụng tốt vị trí địa lý của mình để thúc đẩy thương mại, đầu tư và du lịch, đồng thời tham gia tích cực và có trách nhiệm trong các vấn đề khu vực và quốc tế, bao gồm cả vấn đề Biển Đông và các nỗ lực gìn giữ hòa bình.

Nguồn lực tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên của Việt Nam rất đa dạng, nhiều khoáng sản. Hiện nay, Việt Nam đã phát hiện khoảng 5.000 mỏ và điểm quặng, thuộc 60 loại khoáng sản bao gồm kim loại, khoáng chất công nghiệp và vật liệu xây dựng. Tài nguyên rừng phong phú với hệ sinh học đa dạng. Tài nguyên du lịch giàu có với phong cảnh thiên nhiên tươi đẹp, hữu tình, nhiều di tích lịch sử văn hóa và nhiều bãi biển nổi tiếng thế giới.

*Tiềm lực kinh tế.* Kinh tế Việt Nam tăng trưởng ổn định và mạnh mẽ, với tỷ lệ tăng trưởng GDP hằng năm luôn duy trì ở mức cao, với tốc độ khoảng 6-7% mỗi năm. Năm 2023, GDP bình quân đầu người đã đạt gần 4.300 USD, tăng gấp 4,3 lần so với năm 2010. Điều này đặc biệt ấn tượng trong bối cảnh kinh tế toàn cầu phải đối mặt với những tác động tiêu cực của cuộc khủng hoảng tài chính, tiền tệ toàn cầu,

dịch bệnh COVID-19 và xung đột khu vực,... Việt Nam thực hiện thành công chính sách kinh tế mở cửa, hội nhập quốc tế, qua đó nâng cao vị thế, uy tín của mình trên trường quốc tế và đảm bảo sự phát triển bền vững cho tương lai.

*Tiềm lực quốc phòng.* Trong lĩnh vực quốc phòng, trong những năm gần đây, Việt Nam đã đầu tư đáng kể nhằm xây dựng nền quốc phòng toàn dân, trong đó "xây dựng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, một số quân chủng, binh chủng, lực lượng tiến thẳng lên hiện đại"<sup>1</sup>. Đó là nền quốc phòng toàn dân, được xây dựng trên nền tảng chính trị, tinh thần, nhân lực, vật lực, tài chính, mang tính chất toàn dân, toàn diện, độc lập, tự chủ, tự cường và từng bước hiện đại... Việt Nam đã chú trọng vào việc tăng cường khả năng tự vệ thông qua việc mua sắm trang thiết bị quân sự hiện đại và nâng cao năng lực cho lực lượng vũ trang, đồng thời không ngừng mở rộng hợp tác quốc phòng với các quốc gia khác và tham gia vào các hoạt động gìn giữ hòa bình của Liên hợp quốc.

*Nguồn lực con người Việt Nam.* Việt Nam có mức tăng dân số và mật độ dân số ổn định. Dân số Việt Nam năm 2023 khoảng 100 triệu người, trong đó 63% dân số trong độ tuổi lao động. Dân tộc Việt Nam có truyền thống đoàn kết, thống nhất, yêu chuộng hòa bình để hòa nhập với cộng đồng quốc tế. Truyền thống đoàn kết, đồng lòng của nhân dân Việt Nam không chỉ được thể hiện qua lời nói mà còn qua hành động cụ thể, là minh chứng cho sức mạnh và ý chí vượt qua mọi khó khăn, thách thức của dân tộc. Một trong những biểu hiện rõ nét nhất là cả nước đồng lòng hướng về những vùng đồng bào bị dịch bệnh, thiên tai, bão lũ. Mỗi cá nhân, cộng đồng dân cư khắp mọi miền đất nước đều sẵn lòng chung tay, góp sức giúp đỡ bằng vật

chất và tinh thần với nhiều phong trào thể hiện nghĩa cử “lá lành đùm lá rách”.

*Sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị.* Trong công cuộc đổi mới, hệ thống chính trị đa tầng của Việt Nam, từ sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước và sự đóng góp của người dân cùng hướng tới mục tiêu chung là phát triển đất nước, vì mục tiêu độc lập dân tộc và CNXH. Sự kết hợp này tạo thành một lực lượng mạnh mẽ, thúc đẩy cải cách và đổi mới sâu rộng trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Không chỉ dừng lại ở việc xây dựng chiến lược và các chính sách, hệ thống chính trị đã mở ra cánh cửa cho sự tham gia và góp ý của người dân, qua đó nâng cao tính minh bạch và dân chủ trong quản lý xã hội. Điển hình là chương trình xây dựng nông thôn mới, chương trình xóa đói giảm nghèo và các chương trình về giáo dục, y tế, an sinh xã hội, với sự tham gia của cả ba trụ cột: Đảng, Nhà nước và nhân dân. Trong đó, Đảng xác định chủ trương, Nhà nước tổ chức xây dựng và triển khai chương trình, người dân tham gia thực hiện và thụ hưởng. Mục tiêu cuối cùng của những chương trình này là nhằm mang lại cuộc sống tốt đẹp hơn cho mọi người dân ở địa bàn, đặc biệt là ở vùng sâu, vùng xa. Việc thúc đẩy cải cách hành chính và tăng cường năng lực quản lý nhà nước cũng là việc phát huy sức mạnh của hệ thống chính trị. Cải cách hành chính nhằm cải thiện chất lượng dịch vụ công, tạo lập môi trường quản lý xã hội một cách khoa học, tạo điều kiện thuận lợi cho sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và đời sống của người dân.

Quá trình phát huy sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị, người dân thông qua tổ chức của mình tham gia xây dựng chủ trương, kế hoạch, tổ chức thực hiện và được thụ hưởng thành quả lao động. Qua đó góp phần củng cố

khối đoàn kết, tăng cường sức mạnh nội sinh của cộng đồng, của dân tộc.

*Giá trị văn hóa truyền thống.* Việt Nam là quốc gia có lịch sử lâu đời và bản sắc văn hóa đa dạng, sâu sắc, đó là truyền thống yêu nước, truyền thống đoàn kết thống nhất dân tộc, truyền thống hiếu nghĩa, hòa bình,... Trong truyền thống văn hóa đó, có những giá trị được khái quát hóa từ thực tiễn lịch sử dân tộc, có những giá trị được bảo tồn trong những di sản được ghi danh cụ thể. Các di sản văn hóa phi vật thể của Việt Nam được UNESCO công nhận, trong đó có Nhã nhạc cung đình Huế, Không gian văn hóa cồng chiêng Tây Nguyên, Ca trù, Dân ca quan họ Bắc Ninh, Hát Xoan, Đờn ca tài tử Nam Bộ, Hội Gióng ở đền Phù Đổng và đền Sóc, Tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương, Nghệ thuật làm gốm của người Chăm,... thể hiện giá trị văn hóa phong phú và độc đáo của Việt Nam.

Đảng và Nhà nước luôn chú trọng phát huy giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc. Trong đó, việc giáo dục văn hóa truyền thống cho thế hệ trẻ được quan tâm hàng đầu nhằm truyền thụ kiến thức văn hóa dân tộc, đồng thời khơi dậy niềm tự hào và ý thức bảo vệ di sản văn hóa dân tộc trong giới trẻ Việt Nam. Các chương trình giáo dục văn hóa, dự án nghiên cứu và bảo tồn, cùng với sự hợp tác quốc tế trong lĩnh vực văn hóa, bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống nhằm mang lại thế mạnh quốc gia, tạo động lực quan trọng cho sự phát triển bền vững và hội nhập sâu rộng hơn vào cộng đồng quốc tế.

## 2. Sức mạnh thời đại

Hiện nay, sức mạnh thời đại là các xu thế chính trị, kinh tế, xã hội trên thế giới như: hòa bình, hợp tác và phát triển, cách mạng khoa học công nghệ, xu thế dân chủ hóa, xu thế phát triển

bền vững, tự chủ, xu thế hợp tác và liên kết kinh tế... Bên cạnh đó, sức mạnh của thời đại ngày nay còn là sức mạnh của cộng đồng quốc tế ngày càng đồng thuận trong kiến tạo, cùng cố một trật tự thế giới dựa trên luật lệ, đa cực, đa trung tâm, dân chủ, công bằng, bình đẳng, sức mạnh của hàng trăm quốc gia phấn đấu hoàn thành các mục tiêu phát triển thiên niên kỷ (MDG); sức mạnh của thế giới văn minh trong kỷ nguyên của cách mạng khoa học công nghệ, kinh tế tri thức, toàn cầu hóa, trào lưu tái cấu trúc và đổi mới mô hình tăng trưởng.

*Xu thế hòa bình, hợp tác và phát triển của thế giới và sự tham gia của Việt Nam trong các tổ chức quốc tế.* Xu thế hòa bình, hợp tác và phát triển là một trong những động lực quan trọng nhất định hình bối cảnh quốc tế hiện đại, trong đó các quốc gia không ngừng tìm kiếm sự ổn định, hợp tác đa phương và cùng có lợi để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Trong khuôn khổ này, hòa bình không

chỉ được xem như một điều kiện tiên quyết cho sự thịnh vượng, mà còn là mục tiêu chung mà mọi quốc gia đều hướng tới. Sự hợp tác quốc tế, thông qua các diễn đàn, tổ chức và sáng kiến hợp tác, trở thành phương tiện thiết yếu để đạt được và duy trì hòa bình, đồng thời mở ra cơ hội cho phát triển bền vững thông qua việc chia sẻ kiến thức, công nghệ và nguồn lực.

Việt Nam nhận thức rõ giá trị của xu thế này, đã chủ động tham gia và đóng góp vào cộng

đồng quốc tế, không chỉ nhằm tăng cường vị thế của quốc gia, mà còn nhằm thu hút đầu tư và các nguồn lực khác, tạo ra động lực cho phát triển kinh tế và nâng cao chất lượng sống cho người dân.

Trong những năm đổi mới, Việt Nam đã chứng tỏ vai trò và sự chủ động trong việc thúc đẩy xu thế hòa bình, hợp tác và phát triển bền vững thông qua sự tham gia tích cực và có trách nhiệm trong các tổ chức và diễn đàn quốc tế

**Việt Nam chủ trương tôn trọng và giải quyết khéo léo quan hệ với các nước lớn nhằm mang lại hiệu quả thiết thực đối với sự phát triển của đất nước. Đánh giá lý sự điều chỉnh chiến lược của những nước này, hiểu rõ vị trí chiến lược của Việt Nam trong mối quan hệ với từng nước, từ đó tạo thuận lợi cho quá trình hoạch định chính sách. Với mục tiêu chiến lược là độc lập dân tộc và CNXH, trong giải quyết tình huống cụ thể, sách lược cần phải năng động, linh hoạt, sáng tạo trên cơ sở xu thế vận động của thế giới, thế và lực của đối tác, đối tượng để có giải pháp cụ thể, phù hợp.**

như ASEAN, APEC và Liên hợp quốc. Từ việc trở thành thành viên của ASEAN vào năm 1995 và nỗ lực xây dựng một cộng đồng Đông Nam Á ổn định, hòa bình đến việc đăng cai tổ chức Hội nghị Thượng đỉnh APEC, Việt Nam đã không ngừng khẳng định là một đối tác đáng tin cậy, hướng tới sự hợp tác kinh tế mở và thúc đẩy thương mại tự do. Trong vai trò thành viên không thường trực của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc, Việt Nam đã góp phần vào việc duy trì hòa

binh và an ninh quốc tế. Sự chủ động và linh hoạt trong chính sách đối ngoại, cùng với việc tận dụng hiệu quả các xu thế hợp tác quốc tế đã mở ra những cơ hội mới cho sự phát triển của Việt Nam, đồng thời giúp Việt Nam đóng góp vào việc xây dựng khu vực và thế giới hòa bình, thịnh vượng.

*Sự phát triển của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư đã tạo ra những thay đổi sâu rộng và cơ hội mới cho Việt Nam.* Cuộc cách

mạng khoa học và công nghệ hiện nay đang định hình lại bức tranh toàn cầu với tốc độ và quy mô chưa từng thấy. Trọng tâm của cuộc cách mạng này là sự phát triển vượt bậc trong lĩnh vực công nghệ thông tin và truyền thông, bao gồm trí tuệ nhân tạo (AI), Internet vạn vật (IoT), dữ liệu lớn (Big Data), và máy học (Machine Learning)... Những tiến bộ này không chỉ thay đổi cách thức hoạt động giao tiếp, học tập của tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân mà còn tạo ra những cơ hội mới trong việc giải quyết những thách thức toàn cầu như biến đổi khí hậu, y tế, và giáo dục...

Bên cạnh đó, cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư cũng đang thúc đẩy sự phát triển của kinh tế số, mở ra không gian mới cho thương mại điện tử, dịch vụ tài chính số và giáo dục trực tuyến, đồng thời cung cấp các giải pháp sáng tạo cho việc bảo vệ môi trường thông qua việc giám sát và quản lý tài nguyên tự nhiên một cách bền vững. Sự chuyển dịch này không chỉ mang lại hiệu quả kinh tế mà còn góp phần vào việc giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường, hướng tới một tương lai bền vững cho hành tinh.

Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện nay, đặc biệt sự phát triển của công nghệ thông tin và truyền thông (ICT), đã mở ra cơ hội to lớn cho Việt Nam trong việc đổi mới và phát triển kinh tế - xã hội. Nhận thức được tầm quan trọng của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, ngày 4-5-2017, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 16/CT-TTg “về việc tăng cường năng lực tiếp cận cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4”. Ngày 27-9-2019, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết 52-NQ/TW “Về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư”. Thực hiện chủ trương của Bộ Chính trị, ngày 12-8-

2019, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số: 999/QĐ-TTg “phê duyệt Đề án thúc đẩy mô hình kinh tế chia sẻ”. Đồng thời, Chính phủ Việt Nam chỉ đạo tập trung vào công tác dực, đặc biệt là các ngành STEM (Science, Technology, Engineering, Mathematics) để xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao, sẵn sàng cho thị trường công nghệ cao. Song song với đó là đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin tiên tiến, từ mạng 4G rộng khắp đến bước đầu thử nghiệm mạng 5G, nhằm đáp ứng cho sự phát triển của công nghệ số và kinh tế số.

Chính sách khuyến khích đổi mới sáng tạo và phát triển công nghiệp công nghệ cao của Việt Nam đã được các doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đón nhận, tăng vốn nâng cao năng lực sản xuất và chuyển giao công nghệ. Tất cả những nỗ lực này không chỉ khẳng định vai trò và vị thế của Việt Nam trong ngành công nghệ thông tin mà còn là bước tiến quan trọng trong việc chuyển đổi nền kinh tế theo hướng tri thức và công nghệ cao, mở ra hướng phát triển mới cho quốc gia trong kỷ nguyên số.

*Sự đồng thuận ngày càng tăng trong việc kiến tạo và củng cố một trật tự thế giới mới, dựa trên các nguyên tắc của luật lệ (trước hết là Hiến chương Liên hợp quốc và luật pháp quốc tế), đa cực, đa trung tâm, dân chủ, công bằng và bình đẳng. Sự đồng thuận và hợp tác giữa các chủ thể của cộng đồng quốc tế trong việc kiến tạo và củng cố một trật tự thế giới mới được minh chứng qua sự phấn đấu chung của hàng trăm quốc gia hướng tới việc hoàn thành các Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ (MDGs) và sau đó là Mục tiêu Phát triển Bền vững (Sustainable Development Goals - SDGs). Những mục tiêu này không chỉ thách thức mỗi quốc gia phải nỗ lực về mặt nội bộ, mà còn yêu cầu sự hợp tác*

quốc tế để giải quyết các vấn đề toàn cầu như đói nghèo, bất bình đẳng và biến đổi khí hậu.

Trong quá trình hội nhập và phát triển toàn cầu, Việt Nam đã thể hiện cam kết mạnh mẽ và nỗ lực không ngừng nhằm đóng góp vào mục tiêu chung của cộng đồng quốc tế qua việc thực hiện các Mục tiêu Phát triển bền vững. Một trong những ví dụ nổi bật về sự tham gia và đóng góp của Việt Nam là trong lĩnh vực hành động khí hậu (SDG 13). Ngày 20-7-2020, Thủ tướng Chính phủ Việt Nam đã ban hành Quyết định số: 1055/QĐ-TTg “Về việc ban hành kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050”. Đến ngày 26-7-2022, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 896/QĐ-TTg phê duyệt “Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu giai đoạn đến năm 2050”. Mục tiêu tổng quát của Chiến lược là chủ động thích ứng hiệu quả, giảm mức độ dễ bị tổn thương, tổn thất và thiệt hại do biến đổi khí hậu; giảm phát thải khí nhà kính theo mục tiêu phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050, đóng góp tích cực và trách nhiệm với cộng đồng quốc tế trong bảo vệ hệ thống khí hậu trái đất; tận dụng cơ hội từ ứng phó biến đổi khí hậu để chuyển dịch mô hình tăng trưởng, nâng cao sức chống chịu và cạnh tranh của nền kinh tế.

Trong quan hệ quốc tế, Việt Nam nhất quán chính sách đối ngoại hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển với chủ trương “Việt Nam là bạn, đối tác tin cậy, thành viên tích cực, có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế”<sup>2</sup>. Trong khi đề cao, việc bảo đảm lợi ích quốc gia - dân tộc, Việt Nam luôn nhấn mạnh lợi ích quốc gia - dân tộc “trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của Hiến chương Liên hợp quốc và luật pháp quốc tế”<sup>3</sup>. Một trong những nguyên tắc đối ngoại của Việt Nam là không dùng vũ lực hoặc đe dọa dùng vũ

lực trong quan hệ quốc tế, giải quyết mọi tranh chấp, bất đồng quốc tế bằng giải pháp hòa bình.

Những nỗ lực và thành tựu của Việt Nam trong việc thực hiện Mục tiêu phát triển bền vững, cũng như những đóng góp tích cực, có trách nhiệm của Việt Nam đối với cộng đồng quốc tế không chỉ minh chứng cho cam kết và trách nhiệm của mình đối với mục tiêu phát triển bền vững toàn cầu mà còn là bước tiến quan trọng trong việc nâng cao chất lượng cuộc sống, đảm bảo tương lai bền vững cho người dân, nâng cao vị thế, uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế.

### **3. Phát huy sức mạnh dân tộc kết hợp sức mạnh thời đại thời kỳ đổi mới**

Để phát huy sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại trong bối cảnh toàn cầu hóa sâu rộng và cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư diễn ra mạnh mẽ, Việt Nam cần thực hiện một số phương hướng chính như sau:

*Thứ nhất*, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại chính là gắn độc lập, tự chủ của đất nước với việc chủ động, tích cực hội nhập quốc tế sâu rộng, thực chất, hiệu quả. Việt Nam tiếp tục giữ vững nguyên tắc hàng đầu về bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của Hiến chương Liên hợp quốc và luật pháp quốc tế, bình đẳng, hợp tác, cùng có lợi; chủ động nắm bắt thời cơ, tiến hành hội nhập quốc tế sâu rộng trên tất cả phương diện từ kinh tế, văn hóa - xã hội đến quốc phòng - an ninh,...

*Thứ hai*, sức mạnh dân tộc, sức mạnh nội sinh là yếu tố quyết định; sức mạnh thời đại, sức mạnh quốc tế, sức mạnh bên ngoài là yếu tố rất quan trọng, nhưng chỉ có tác dụng và hiệu quả khi sức mạnh bên trong được chuẩn bị kịp thời, đầy đủ. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng nhấn

mạnh: “Muốn người ta giúp cho, thì trước mình phải tự giúp lấy mình đã”<sup>4</sup>. Tiếp tục giữ vững nguyên tắc “độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường”, phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc - nhanh chóng nắm bắt, tận dụng thời cơ để vượt qua thách thức, tạo thế ổn định, phát triển đất nước để đón nhận, tận dụng sức mạnh thời đại. Những nỗ lực vượt bậc của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân sẽ tạo cho đất nước khả năng tận dụng tối ưu những yếu tố có lợi, loại trừ những yếu tố bất lợi, vô hiệu hóa những mưu đồ thâm độc của các thế lực thù địch, phản động; tranh thủ ngoại lực đẩy mạnh công cuộc đổi mới, giữ vững ổn định và phát triển.

*Thứ ba*, Việt Nam đã và đang tiếp tục đưa các mối quan hệ đối ngoại đi vào chiều sâu, có hiệu quả. Đến năm 2024, Việt Nam đã có quan hệ với 191 quốc gia thành viên Liên Hợp quốc, trong đó có 3 quan hệ đặc biệt, 7 quan hệ đối tác chiến lược toàn diện, 12 quan hệ đối tác chiến lược và 13 đối tác toàn diện. Ngoài ra, Việt Nam cũng là thành viên của nhiều tổ chức quốc tế quan trọng. Trong bối cảnh chuyển dịch trọng tâm quyền lực từ Tây sang Đông; cục diện thế giới theo hướng đa cực, đa trung tâm diễn ra nhanh hơn, dẫn tới sự cọ xát, cạnh tranh chiến lược, tranh giành ảnh hưởng giữa các nước lớn ngày càng gay gắt, Việt Nam chủ trương tôn trọng và xử lý khéo léo quan hệ với các nước, đặc biệt là đối với các nước lớn nhằm mang lại hiệu quả thiết thực đối với sự phát triển của đất nước.

*Thứ tư*, chủ động tham gia và phát huy vai trò tại các cơ chế đa phương, nhất là ASEAN, Liên hợp quốc, APEC, Hợp tác tiểu vùng sông Mekong, các khuôn khổ hợp tác khu vực và quốc tế, trong những vấn đề và các cơ chế quan trọng có tầm chiến lược, phù hợp với yêu cầu, khả năng điều kiện cụ thể. Đây là cách thức để

Việt Nam xây dựng lòng tin và tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ của cộng đồng quốc tế cũng như hiện thực hóa vai trò dẫn dắt, trung gian, hòa giải của Việt Nam tại các cơ chế này, qua đó gắn kết sâu sắc hơn nữa Việt Nam với thế giới.

*Thứ năm*, cân bằng giữa việc phát triển nội lực đất nước và tận dụng nguồn lực bên ngoài trên cơ sở xem trọng và đẩy mạnh các hoạt động nâng tầm sức mạnh tổng hợp quốc gia; đồng thời, không được xem nhẹ dòng chảy và sức mạnh của thời đại. Bên cạnh đó, không nên quá phụ thuộc vào bên ngoài dẫn đến tình trạng thiếu tính độc lập, tự chủ, dễ bị “hòa tan” cũng như dễ rơi vào tình trạng thụ động, bảo thủ hay biệt lập trong bối cảnh đất nước đang tăng cường quá trình hội nhập quốc tế sâu rộng toàn diện.

Việt Nam không chỉ phát huy sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại để thích ứng và phát triển trong bối cảnh toàn cầu hóa và cách mạng công nghiệp lần thứ tư, mà còn khẳng định cam kết của mình với một tương lai bền vững, công bằng và phồn thịnh cho tất cả mọi người. Việc tiếp tục đầu tư vào giáo dục, khoa học công nghệ, hợp tác quốc tế, bảo vệ văn hóa truyền thống, chống lại biến đổi khí hậu... sẽ là những chìa khóa quan trọng để Việt Nam tiếp tục tiến bước trên con đường phát triển.

1, 2, 3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb CTQGST, H, 2021, T. I, tr. 158, 162, 161

4. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2002, T. 1, tr. 55.